

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2017

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Thoảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Như Cường

Ông Lương Trung Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lưu Phương T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ X, thị trấn Y, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Hoàng Thanh T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lưu Phương T trình bày: Tôi và anh T kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 13/7/2009 tại UBND xã Xuân Ái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng quan điểm sống bất đồng từ đó vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc. Vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ tháng 1 năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian chúng tôi sống

ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh T1.

\* Về con chung: Có 01 cháu: Hoàng Lưu Bảo N sinh ngày 26/3/2010. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Qua xác minh tại thôn thì hiện nay hộ khẩu anh Tùng tại thôn T, xã K, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho anh T1, chị Bùi Thị T là vợ của anh Hoàng Thanh T1 đã nhận các giấy tờ của Tòa án và đã thông báo nội dung trong các giấy tờ của Tòa án cho anh T1 biết. Do anh T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Phương T và anh Hoàng Thanh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Ái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 13 tháng 7 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng quan điểm sống bất đồng từ đó vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc. Vợ

chồng tôi sống ly thân nhau từ tháng 1 năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian chúng tôi sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh T1 là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định hiện nay chị T và anh T1 đã sống ly thân nhau từ tháng 1/2013 đến nay không ai quan tâm đến ai. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh T1 là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Hoàng Lưu Bảo N sinh ngày 26/3/2010. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu N đang ở cùng chị T. Cháu N có đơn xin ở với mẹ, đề đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu N được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Do vậy cần giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào điều 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Lưu Phương T được ly hôn anh Hoàng Thanh T1.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử giao cháu Hoàng Lưu Bảo N sinh ngày 26/3/2010 cho chị Lưu Phương T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chị T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04552 ngày 02/10/2017 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân ái
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thoảng**